TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN LÃNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST Ngày 07-6-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi;

Ông Phạm Minh Hải.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Lương Thị Thu Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn V, xã Tiên Sơn, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nông Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; hiện đang chấp hành án tại Trại giam H, địa chỉ: Phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong hồ sơ vụ án chị Ngô Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Nông Văn T đăng ký kết hôn ngày 16/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2018, chị Ngô Thị T phát hiện anh Nông Văn T nghiện ma túy, chị Ngô Thị T và hai bên

gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh Nông Văn T cai nghiện nhưng không được; bản thân chị Ngô Thị T đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Đến năm 2022, anh Nông Văn T bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và phải đi chấp hành án, vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, chị Ngô Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nông Văn T.

- Về con chung: Chị Ngô Thị T và anh Nông Văn T có hai con chung là cháu Nông Quỳnh A, sinh ngày 21/11/2016 và cháu Nông Quỳnh H, sinh ngày 21/8/2018. Hiện các cháu Nông Quỳnh A và cháu Nông Quỳnh H đang ở với chị Ngô Thị T. Khi ly hôn chị Ngô Thị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Nông Văn T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, do bị đơn anh Nông Văn T đang chấp hành án tại Trại giam H, tỉnh Hải Dương nên không thể đến Tòa án. Tại bản tự khai ngày 03/5/2023 tại trại giam H, anh Nông Văn T trình bày: Quá trình kết hôn, chung sống đúng như nguyên đơn đã trình bày. Nay chị Ngô Thị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý. Anh Nông Văn T đồng ý để chị Ngô Thị T nuôi các con chung là cháu Nông Quỳnh A và cháu Nông Quỳnh H đến khi đủ 18 tuổi; anh Nông Văn T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Ngô Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273, 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Nông Văn T. Giao các con chung là cháu Nông Quỳnh A và cháu Nông Quỳnh H cho chị Ngô Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung vì các đương sự không có yêu cầu. Chị Ngô Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; chị Ngô Thị T và anh Nông Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Ngô Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn và con chung với bị đơn anh Nông Văn T; cư trú tại thôn N, xã M, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chị Ngô Thị T và anh Nông Văn T có đăng ký kết hôn. Do đó xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Ngô Thị T và bị đơn anh Nông Văn T có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Nông Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị T và anh Nông Văn T là hợp pháp. Từ tháng 6 năm 2022 anh Nông Văn T phạm tội về ma túy và phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam H, tỉnh Hải Dương. Từ đó đến nay vợ chồng không còn sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa, chị Ngô Thị T và anh Nông Văn T thuận tình ly hôn. Xét thấy mặc dù các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng vụ việc không tiến hành hòa giải được, nên yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Ngô Thị T và anh Nông Văn T có hai con chung là cháu Nông Quỳnh A, sinh ngày 21/11/2016 và cháu Nông Quỳnh H, sinh ngày 21/8/2018. Hiện các cháu Nông Quỳnh A và cháu Nông Quỳnh H đang ở với chị Ngô Thị T. Khi ly hôn chị Ngô Thị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Nông Văn T cấp dưỡng nuôi con. Anh Nông Văn T nhất trí với yêu cầu của chị Ngô Thị T, điều này cũng phù hợp với với điều kiện, hoàn cảnh hiện nay của chị Ngô Thị T và anh Nông Văn T. Xét thấy, ý kiến của chị Ngô Thị T và anh Nông Văn T về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và các con nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Nông Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị Ngô Thị T không yêu cầu anh Nông Văn T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Ngô Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản

1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân

Xử cho chị Ngô Thị T ly hôn với anh Nông Văn T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 16/02/2016 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung

Giao các con chung là cháu Nông Quỳnh A, sinh ngày 21/11/2016 và cháu Nông Quỳnh H, sinh ngày 21/8/2018 cho chị Ngô Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nông Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí

Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Ngô Thị T đã nộp đủ án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001990 ngày 07/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo

Chị Ngô Thị T, anh Nông Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã M, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Hằng